TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. RẠCH GIÁ TỈNH KIÊN GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **92/**2019/HNGĐ-ST
Ngày: 24/9/2019
V/v: *"Xin ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ – TỈNH KIÊN GIANG

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Thạch Sô Phép

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Quốc Tiến

Bà Chung Kim Sang

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên toà: Bà Đào Thị Ngọc Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục chung vụ án thụ lý số: 147/2019/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2019, về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2019/QĐXX-ST ngày 28 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Cao Thị C, sinh năm 1996 *(có mặt)*;

HKTT: Số 75/35A đường T, khu phố Q, phường V, Tp. R, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: Tổ 2, ấp K, xã , huyện H, tỉnh Kiên Giang.

* *Bị đơn:* Anh Nguyễn Vũ P, sinh năm 1988 *(có mặt)*;

Địa chỉ: Số 75/35A đường T, khu phố Q, phường V, Tp. R, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 29/3/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn chị Cao Thị C trình bày: Chị và anh P quen nhau do mai mối, có tìm hiểu thời gian ngắn thì tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào tháng 12 năm 2017, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và được UBND phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 14/3/2018. Sau khi cưới vợ chồng sống chung gia đình anh P, tại địa chỉ 75/35A đường T, khu phố Q, phường V, Tp. R, tỉnh Kiên Giang.

Nguyên nhân xin ly hôn: Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẩn, nguyên nhân do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh P không quan tâm chăm sóc vợ và nghe lời mẹ chồng, giữa chị và mẹ chồng có xảy ra mâu thuẩn. Chị muốn vợ chồng sống riêng nhưng anh P không đồng ý, nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẩn. Chị đã về nhà mẹ ruột sinh sống, vợ chống đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2018 và từ khi ly thân đến nay anh P cũng không liên lạc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay xét thấy vợ chồng không còn tình cảm, nên chị C xin được ly hôn với anh P.

- Về con chung: Chị C xác định quá trình chung sống không có con chung, không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị Cao Thị C xác định không có, chỉ có nữ trang mà gia đình anh P cho vợ chồng trong ngày cưới là 10 chỉ vàng 24k gồm 01 đôi bông tai, 01 sợi dây chuyền, 01 mặt dây chuyền, 01 chiếc nhẫn và 01 chiếc lắc tay. Số nữ trang này là do gia đình anh P cho riêng chị trong ngày cưới, khi chị C về nhà mẹ ruột chị có trả lại vàng cho anh P, nhưng mẹ chồng không lấy và nói cho chị luôn. Khi ly thân chị không có nghề nghiệp ổn định, hoàn cảnh khó khăn nên đã bán tiêu xài cá nhân hết, khi nào chị đi làm có điều kiện thì chị C sẽ trả lại cho anh P 05 chỉ vàng 24k và chị C xin thời hạn trả là 01 năm.

- Về nợ chung: Chị C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai ngày 03/6/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn anh Nguyễn Vũ P trình bày: Anh và chị C quen nhau do mai mối, có tìm hiểu thời gian ngắn thì tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào tháng 12 năm 2017, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và được UBND phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 14/3/2018. Sau khi cưới vợ chồng sống chung gia đình anh P.

Nguyên nhân mâu thuẩn giữa vợ chồng là do chị C có mâu thuẩn với gia đình bên anh và yêu cầu anh ra sống riêng sinh sống nhưng anh không đồng ý. Do đó vợ chồng thường xảy ra cự cải và đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2018; từ khi ly thân đến nay anh P không có liên lạc với chị C, xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên anh P cũng đồng ý ly hôn với chị C.

- Về con chung: Vợ chồng chung sống không có con chung.

- Về tài sản chung: Anh P xác định vợ chồng chung sống không có tạo lập được tài sản, chỉ có 10 chỉ vàng 24k, là nữ trang của cha mẹ anh cho vợ chồng trong ngày cưới gồm 01 đôi bông tai 01 chỉ, 01 sợi dây chuyền 03 chỉ, 01 mặt dây chuyền 0,5 chỉ, 01 chiếc nhẫn 02 chỉ và 01 chiếc lắc tay 3,5 chỉ, khi ly thân chị C đang giữ nên ngày

11/6/2019 anh P phản tố yêu cầu chia đôi tài sản trên mỗi người 05 chỉ vàng 24k và yêu cầu chị C hoàn trả trong thời hạn 6 tháng.

- Về nợ chung: Anh P xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Rạch Giá phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có quyết định xét xử đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử: Từ khi thụ lý đến ngày đưa quyết định ra xét xử đã thực hiện đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự về thời hạn chuẩn bị xét xử.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà: Tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị C và anh P quen biết nhau do mai mối và đi đến tổ chức lễ cưới năm 2017, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Qua xem xét thấy quan hệ hôn nhân của anh chị đã đến mức trầm trọng, do đó căn cứ Điều 55, 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C và anh P.

Về con chung: Chị C, anh P xác định không có, không yêu cầu nên không xem xét.

Về nợ chung: Anh chị xác định không có nên không xem xét.

Về tài sản chung: Theo yêu cầu phản tố của anh P xác định khi tổ chức lễ cưới gia đình anh P có cho vợ chồng 01 lượng vàng 24K là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân nên anh yêu cầu được chia đôi. Về phía chị C thừa nhận trong ngày cưới được cha mẹ của anh P cho số vàng cưới như anh P trình bày nhưng chị xác định số vàng nêu trên là nữ trang cho riêng chị trong ngày cưới nên không đồng ý là tài sản chung để chia đôi theo yêu cầu của anh P.

Xét thấy, theo quy định tại khoản 1 Điều 43 Luật hôn nhân và gia đình thì chị C phải có nghĩa vụ chứng minh số nữ trang nêu trên là tài sản cho riêng chị nhưng chị C không chứng minh được.

Theo quy định tại Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình có cơ sở để xác định số vàng cưới nêu trên là tài sản chung của anh P và chị C.

Do đó, đối với yêu cầu phản tố của anh P yêu cầu chia tài sản chung là 01 lượng vàng 24K gồm: 01 đôi bông tai 01 chỉ, 01 sợi dây chuyền 03 chỉ, 01 mặt dây chuyền 05 phân vàng, 01 chiếc nhẫn 02 chỉ, 01 chiếc lắc tay 3,5 chỉ là phù hợp quyy định tại Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình về nguyên tắc giải quyết tài sản vợ chồng khi ly hôn.

Từ những nhận định trên, căn cứ vào Điều 55, 56, 33, 38, 43 và Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Cao Thị C ly hôn với anh Nguyễn Vũ P, chấp nhận yêu cầu phản tố chia đôi tài sản chung là 10 chỉ vàng 24K của anh Nguyễn Vũ P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Cao Thị C khởi kiện yêu cầu "xin ly hôn" với anh Nguyễn Vũ P. Do đó, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị C và anh P quen biết nhau do mai mối và tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới vào tháng 12 năm 2017, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật và được UBND phường Vĩnh Quang, Tp. Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 14/3/2018, theo quy định của pháp luật về Luật Hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị C đối với anh P, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình chung sống vợ chồng chị C, anh P không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau để xây dựng mái ấm gia đình bền vững, hạnh phúc. Giữa chị C và anh P bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, chị C có mâu thuẩn với mẹ chồng và muốn được sống riêng nhưng anh P không đồng ý, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi bất hòa, từ đó mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn và vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tháng 8 năm 2018, từ khi sống ly thân đến nay hai bên không hàn gắn tình cảm vợ chồng. Anh P cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị C. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa anh P, chị C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của chị C đối với anh P là hoàn toàn có căn cứ phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Từ những cơ sở nhận định trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C đối với anh P.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Cao Thị C và anh Nguyễn Vũ P xác định không có, nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị C và anh P xác định trong quá trình chung sống vợ chồng không có tạo lập được tài sản chung, chỉ có nữ trang cho vợ chồng trong ngày cưới, khi ly thân chị C đang giữ gồm 10 chỉ vàng 24k. Anh P phản tố yêu cầu chia đôi tài sản chung nêu trên.

Xét yêu cầu của chị C cho rằng số nữ trang trên là do gia đình anh P cho riêng chị C trong ngày cưới nên chị C đã bán tiêu xài cá nhân hết. Chị C cung cấp những người làm chứng ông Lê Văn T là ông chú và bà Nguyễn Kim N là bà dì của chị C, tuy nhiên lời khai của những người làm chứng không đảm bảo tính khách quan; ngoài ra chị C không cung cấp được chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu của mình, nên Hội đồng xét xử bác khai nại của chị C.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì đây là tài sản chung của chị C và anh P, do đó chị C và anh P mỗi người được hưởng ½ số nữ trang trên là phù hợp theo quy định tại Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Từ những cơ sở nhận định trên Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu phản tố của anh P, buộc chị C phải có nghĩa vụ hoàn trả cho anh P 05 chỉ vàng 24k (loại vàng 9999).

[5] Về thời gian: Chị C yêu cầu xin trả 05 chỉ vàng trong thời hạn 01 năm, phía anh P yêu cầu trả trong thời hạn 06 tháng. Nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét vì không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, trường hợp chị C có khó khăn thì có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xem xét, giải quyết trong giai đoạn thi hành án.

[6] Về nợ chung: Chị Cao Thị C, anh Nguyễn Vũ P xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Cao Thị C là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng.

Chị Cao Thị C, anh Nguyễn Vũ P mỗi người phải chịu án phí chia tài sản chung là 5 chỉ vàng 24k (loại vàng 9999) tương đương số tiền là: 20.500.000 đồng x 5% = 1.025.000 đồng.

Tổng cộng số tiền án phí chị C phải chịu là 1.325.000 đồng, chị C được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001634 ngày 05/4/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, Kiên Giang, nên chị C phải nộp thêm số tiền án phí là 1.025.000 đồng.

Anh Nguyễn Vũ P phải chịu án phí là 1.025.000 đồng, anh P được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 450.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005959 ngày 24/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, Kiên Giang, nên anh P phải nộp thêm số tiền án phí là 575.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 33, Điều 38, Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 59, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 25, điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Cao Thị C được ly hôn với anh Nguyễn Vũ P.

2/ Về con chung: Chị Cao Thị C và anh Nguyễn Vũ P xác định không có.

3/ Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Nguyễn Vũ P. Buộc chị Cao Thị C phải hoàn trả cho anh Nguyễn Vũ P 05 (năm) chỉ vàng 24K (loại vàng 9999) sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

4/ Về nợ chung: Chị Cao Thị C, anh Nguyễn Vũ P xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5/ Về án phí:

- Buộc chị Cao Thị C phải chịu là 1.325.000 đồng, chị C được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001634 ngày 05/4/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, Kiên Giang, nên chị C phải nộp thêm số tiền án phí là 1.025.000 đồng.

- Buộc anh Nguyễn Vũ P phải chịu án phí là 1.025.000 đồng, anh P được khấu trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí 450.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005959 ngày 24/6/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, Kiên Giang, nên anh P phải nộp thêm số tiền án phí là 575.000 đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

THẠCH SÔ PHÉP

** Nơi nhận:*
- VKSND Tp. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ./.